

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST

Ngày 14-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc - tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương H** (Tên gọi khác: **Hiền Ét**) - Sinh ngày 16/4/1972, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Nghề nghiệp: **Buôn bán**; Trình độ học vấn: **10/12**; Giới tính: **Nữ**; Tôn giáo: **không**; Quốc tịch: **Việt Nam**. Con ông **Nguyễn É**, sinh năm 1949 và con bà **Võ Thị Mỹ C**, sinh năm 1952. Gia đình bị cáo có 06 anh, em, bị cáo là con thứ 02. Bị cáo có chồng **Võ Vương V**, sinh năm 1973 (đã ly hôn năm 2012), bị cáo có 01 con, sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/11/2023 đến ngày 25/11/2023 tại nhà tạm giữ **Công an huyện K**, tỉnh Đắk Lắk thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Dur Thùy D** (Tên gọi khác: **D1**), sinh năm 1970; Địa chỉ: **Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà **Đỗ Thị Thu H1**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

3. Bà **Vũ Thị Thu H2**, sinh năm 1982, Địa chỉ: **7 N, khu phố A X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai**. Nơi ở hiện tại: **295 G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).
4. Bà **Bùi Thị Trường A**, sinh năm 1991, Địa chỉ: **7 N, khu phố A X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai**. Nơi ở hiện tại: **295 G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
5. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Tổ G, khu phố C, B, L, tỉnh Bình Thuận**. Nơi ở hiện tại: **295 G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
6. Bà **Vũ Thị Kim O**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
7. Bà **Đặng Thị Hương G**, sinh năm 1973; Địa chỉ: **Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
8. Ông **Võ Q**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. LẮK (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
9. Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1962; Địa chỉ: **A Đ, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**. Nơi ở hiện tại: **318 G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).
10. Ông **Nguyễn Đức C1**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
11. Bà **Nguyễn Thị G1** (*Tên gọi khác: Chín mít*), sinh năm 1979; Địa chỉ: **Buôn Ea Yông A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
12. Bà **Trần Thị D2**, sinh năm 1977; Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).
13. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968; Địa chỉ: **Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
14. Bà **Đặng Thị D3**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
15. Bà **Lê Thị Á**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Nơi ở hiện tại: **Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
16. Bà **Trần Thị Kim O1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).
17. Bà **Nguyễn Thị V1**, sinh năm 1961; Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).
18. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).
19. Bà **Trần Thị L1**, sinh năm 1957; Địa chỉ: **tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. (Có mặt).
20. Bà **Trịnh Thị Thu H3**, sinh năm 1958; Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

21. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
22. Bà Võ Thị Thảo L2, sinh năm 1975, Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
23. Bà Phùng Thị P (Tên gọi khác: Mười K), sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
24. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
25. Bà Trần Thị C2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
26. Bà Nguyễn Thị Kim O2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
27. Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
28. Bà Nguyễn Thị L3 (Tên gọi khác: H4), sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
29. Bà Nguyễn Thị Kiều V2 (Tên gọi khác: Ty C), sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
30. Bà Văn Thị Duy H5, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
31. Bà Ngô Thị Mỹ H6, sinh năm 1972; Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
32. Bà Võ Thị H7, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
33. Bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
34. Ông Nguyễn Văn V3, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
35. Ông Phan Công M1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
36. Bà Đào Thị Kim L4, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
37. Bà Lương Thị Thu H9, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
38. Bà Phạm Thị Mai P1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
39. Bà Nguyễn Thị Bích P2 (Tên gọi khác: M2), sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

40. Bà Nguyễn Thị Mỹ H10, sinh năm 1970; Địa chỉ: C N, Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

41. Bà Trương Thị Kim T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

42. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

43. Bà Bé Thị Châm T3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023, Nguyễn Thị Hương H đã dùng số tiền 1.800.000.000 đồng cho nhiều người vay tiền dưới hình thức trả tiền góp hàng ngày và hình thức vay tiền trả lãi theo tháng (còn gọi là vay tiền đứng). Quá trình cho vay thì bị cáo H sử dụng số tiền người vay trả để tiếp tục xoay vòng vốn cho người khác vay.

Cách thức vay và thanh toán tiền vay như sau: Do là người quen đến vay tiền hoặc được người quen giới thiệu nên người vay không phải thế chấp tài sản hay giấy tờ. Khi có người vay tiền thì H viết tên người vay, số tiền vay; số tiền trả hàng ngày tính cả tiền gốc, tiền lãi và số ngày trả vào một cuốn sổ rồi người vay ký xác nhận, đối với người quen thì không cần ký tên xác nhận.

Người vay gọi điện thoại hoặc đến trực tiếp gặp H để thỏa thuận số tiền vay, thời hạn vay và số tiền phải trả hàng ngày. Đối với vay tiền trả góp hàng ngày thì H và người vay sẽ thỏa thuận cho vay trong thời hạn 60 ngày hoặc hơn 60 ngày (tùy thuộc vào thỏa thuận). Mỗi ngày người vay phải trả cả tiền gốc và tiền lãi với số tiền từ 50.000 đồng đến 1.700.000 đồng (tùy thuộc vào số tiền vay) và vào 17 giờ chiều hàng ngày người vay sẽ đến trả trực tiếp cho H. Khi trả tiền thì H đánh dấu X vào cuốn sổ ghi tên người vay để xác nhận ngày hôm đó đã trả tiền, nếu người vay chưa trả tiền thì H không đánh dấu X vào cuốn sổ ghi tên người vay. Còn khi người vay tiền không đến trả trực tiếp thì H sẽ dùng điện thoại nhấn hiệu Nokia bàn phím số màu đen có sim số 0946770102 gọi điện thoại hẹn và đến nhà để thu tiền. Đối với khoản tiền vay tính lãi theo tháng gọi là vay tiền đứng thì H và người vay thỏa thuận trả cả gốc và lãi theo tháng và thỏa thuận số tiền lãi cụ thể đối với từng khoản vay.

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2023 đến tháng 11/2023 bị cáo Nguyễn Thị Hương H11 đã cho 48 người vay cụ thể như sau:

1. Dư Thùy D (D1), sinh năm 1970, cư trú tại buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của bị cáo H11 các lần cụ thể (bút lục số 76-79, trong sổ ghi từ trang số 01-02):

- Lần 1: Ngày 24/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. D đã trả 21 ngày, tổng số tiền 4.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ bị cáo H11 số tiền gốc

6.500.000 đồng. Đối với số tiền 4.200.000 đồng, **D** đã trả thì gồm 3.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 115.068 đồng, tiền thu lợi bất chính 584.932 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 03/11/2023, vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày trả 50.000 đồng cho đến khi đủ 1.000.000 đồng, số tiền này **Nguyễn Thị Hương H** không tính lãi và **D** đã trả đủ.

Tổng tiền gốc **D** còn nợ bị cáo **H** 6.500.000 đồng, tuy nhiên vào tháng 12/2023 (không nhớ ngày cụ thể) **D** đã trả thêm 2.300.000 đồng tiền gốc cho **H**. Hiện tại **D** còn nợ bị cáo **H** số tiền gốc 4.200.000 đồng.

2. **Đỗ Thị Thu H1**, sinh năm 1983, cư trú tại **tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** cụ thể (bút lục số 80-82A, trong sổ ghi trang số 02): Ngày 11/11/2023, vay 15.000.000 đồng, trả trong vòng 60 ngày và mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi. **H1** đã trả 04 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Đối với 1.200.000 đồng **H1** đã trả gồm 1.000.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 32.877 đồng, tiền thu lợi bất chính 167.123 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khoản vay này **H1** còn nợ bị cáo **H** 14.000.000 đồng tiền gốc.

3. **Vũ Thị Thu H2**, sinh năm 1982, cư trú tại **7 N, khu phố A X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai**. Nơi ở hiện tại 295 **G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** cụ thể (bút lục số 83-86, trong sổ ghi trang số 11): Ngày 25/9/2023, vay 80.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.040.000 đồng gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 77 ngày. **H2** đã trả 47 ngày với tổng số tiền 48.880.000 đồng, còn nợ với số tiền 31.200.000 đồng. Lãi suất khoản vay này là 0,47% trên năm. Lãi suất này thấp hơn lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khoản vay này không có số tiền thu lợi bất chính. **H2** còn nợ bị cáo **H** số tiền 31.200.000 đồng.

4. **Bùi Thị Trường A**, sinh năm 1991, cư trú tại **7 N, khu phố A X, thị xã L, Đồng Nai**. Nơi ở hiện tại 295 **G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 87-90, trong sổ ghi trang số 12 và 667).

- Lần 1: Ngày 25/9/2023, vay 48.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng, trả trong 80 ngày. **A** đã trả được 42 ngày với tổng số tiền 25.200.000 đồng, còn nợ với số tiền 22.800.000 đồng. Khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi.

- Lần 2: Ngày 27/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 14 ngày với số tiền 1.400.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ bị cáo **H** số tiền gốc là 3.833.333 đồng.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng trả thì gồm 1.166.667 đồng tiền gốc và 233.333 đồng tiền thu lợi. Tiền lãi cho phép 38.356 đồng, tiền thu lợi bất chính 194.977 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Bùi Thị Trường A còn nợ bị cáo **H** 26.633.333 đồng tiền gốc.

5. **Trần Thị N**, sinh năm 1990, cư trú tại **tổ G, khu phố C, B, L, tỉnh Bình Thuận**. Nơi ở hiện tại 295 Giải phóng, **thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** cụ thể (bút lục số 91-94, trong sổ ghi trang 14 và 666): Ngày 19/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **N** đã trả 25 ngày với tổng số tiền 5.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ **H** số tiền gốc là 5.833.334 đồng. Đối với 5.000.000 đồng Nhận trả thì gồm 4.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 136.986 đồng, tiền thu lợi bất chính là 696.347 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

6. **Vũ Thị Kim O**, sinh năm 1970, cư trú tại **tổ dân phố D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** cụ thể (bút lục số 95-98, sổ ghi trang 15-16): Ngày 26/9/2023, vay 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm tiền gốc, tiền lãi và phải trả trong 60 ngày. **O** đã trả 25 ngày với số tiền 7.500.000 đồng gồm tiền gốc, tiền lãi, còn nợ **H** số tiền gốc là 8.750.000 đồng. Đối với số tiền 7.500.000 đồng **O** đã trả thì gồm 6.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 205.479 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.044.521 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Đến ngày 25/10/2023, **O** không có tiền trả nên **H** thỏa thuận số tiền nợ còn lại 10.500.000 đồng (trong đó 8.750.000 đồng tiền gốc) thì không tính lãi và **O** tiếp tục trả cho đến khi đủ (không quy định thời hạn trả) thì **O** đồng ý. Sau đó **O** vay thêm 1.000.000 đồng, khoản này cũng không tính lãi. Tổng số tiền **O** nợ bị cáo **H** là 11.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng và đã trả 17 ngày với tổng số tiền 2.550.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc 7.200.000 đồng.

7. **Đặng Thị Hương G**, sinh năm 1973, cư trú tại **thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 99-102, sổ ghi trang 17, 758-759)

Ngày 21/7/2023, vay 50.000.000 đồng, khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi.

Ngày 09/9/2023, vay 20.000.000 đồng, khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi.

Ngoài ra **G** còn vay bị cáo **H** 100.000.000 đồng (không nhớ ngày cụ thể), **G** đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 96.000.000 đồng. Đến ngày 25/9/2023, **G** và **H** đã cộng sổ và thống nhất số tiền còn nợ như sau:

Cộng hai khoản vay ngày 21/7/2023 và ngày 09/9/2023 thì **G** nợ 70.000.000 đồng và mỗi ngày **G** trả tiền lãi 210.000 đồng cho đến khi trả tiền gốc. **G** đã trả cho bị cáo **H** được 04 ngày với số tiền là 840.000 đồng tiền lãi. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Còn khoản nợ 96.000.000 đồng thì mỗi ngày trả 1.300.000 đồng đến khi đủ số tiền nợ 96.000.000 đồng. Bà **G** đã trả được 04 ngày với số tiền là 5.200.000 đồng, còn nợ lại 90.800.000 đồng. Đến ngày 04/10/2023, **G** và bị cáo **H** thống nhất với nhau giảm xuống mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng, **G** đã trả được 29 ngày với số tiền 29.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 61.800.000 đồng. Sau đó **G** và bị cáo **H** tính toán và chốt sổ số tiền còn nợ là 57.800.000 đồng.

Tổng tiền gốc **G** còn nợ bị cáo **H** số tiền 127.800.000 đồng.

8. **Võ Q**, sinh năm 1964, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 103-106, sổ ghi trang 28-33):

- Lần 1: Ngày 16/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. Quyền đã trả 08 ngày với số tiền 1.600.000 đồng gồm tiền gốc và lãi, còn nợ 8.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 1.600.000 đồng Quyền trả thì tiền lãi cho phép 43.836 đồng, tiền thu lợi bất chính 222.831 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 20/9/2023, vay 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. Quyền đã trả 30 ngày với số tiền 12.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 12.000.000 Quyền trả thì 10.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 29/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 14 ngày với số tiền 2.800.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ tiền gốc 7.666.667 đồng. Đối với số tiền 2.800.000 đồng đã trả thì gồm 2.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 76.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 389.954 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 30/9/2023 vay 15.000.000, mỗi ngày trả 300.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **Q** đã trả 01 ngày với số tiền 300.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ tiền gốc 14.750.000 đồng. Đối với 300.000 đồng Quyền trả thì gồm 250.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 8.219 đồng, tiền thu lợi bất chính 41.781 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 06/10/2023 vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **Q** đã trả 01 ngày với số tiền 200.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ tiền gốc 9.833.334 đồng. Đối với 200.000 đồng **Q** đã trả thì gồm 166.666 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 5.479 đồng, tiền thu lợi bất chính 27.854 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 25/9/2023, vay 30.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo **H** không tính lãi. Khoản này **Q** chưa trả, còn nợ 30.000.000 đồng.

Hiện tại **Q** còn nợ bị cáo **H** tổng số tiền gốc là 80.916668 đồng

9. **Đào Thị T**, sinh năm 1962, cư trú tại **A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Nơi ở hiện tại 318 **G, thị trấn P, huyện K** vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 107-111, sổ ghi trang 52-59):

- Lần 1: Ngày 29/8/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày, đã trả 60 ngày với số tiền 12.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi. Đối với số tiền 12.000.000 đồng Thanh đã trả thì có

10.000.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.671.233 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 07/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong vòng 60 ngày. **T** đã trả 53 ngày với số tiền 10.600.000 đồng gồm cả gốc và lãi, còn nợ 1.167.667 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 10.600.000 đồng Thanh đã trả thì gồm 8.833.333 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 290.411 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.476.256 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 16/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 50 ngày với số tiền 10.000.000 đồng bao gồm cả gốc lãi, còn nợ 1.167.667 đồng tiền gốc. Đối với 10.000.000 đồng Thanh đã trả thì gồm 8.833.333 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 273.973 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.392.694 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 14/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 31 ngày với số tiền 6.200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và còn nợ 4.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 6.200.000 đồng Thanh đã trả thì gồm 5.166.666 đồng là tiền gốc, tiền lãi cho phép 169.863 đồng, tiền thu lợi bất chính 863.470 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 17/10/2023, vay 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 28 ngày với số tiền 11.200.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, còn nợ 10.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 11.200.000 đồng đã trả thì gồm 9.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 306.849 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.559.817 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 27/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 18 ngày với số tiền 3.600.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, còn nợ 7.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.600.000 đồng đã trả thì gồm 3.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 98.630 đồng, tiền thu lợi bất chính 501.370 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 7: Ngày 30/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, còn nợ 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 3.000.000 đồng đã trả thì gồm 2.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 82.192 đồng, tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 8: Ngày 04/11/2023, vay 12.500.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng bao gồm cả gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T** đã trả 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, còn nợ 10.416.667 đồng tiền gốc. Đối với 2.500.000 đồng đã trả thì gồm 1.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 68.493 đồng, tiền

thu lợi bất chính là 348.174 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. **T** còn nợ bị cáo **H** tổng số tiền gốc là 42.752.002 đồng.

10. Nguyễn Đức C1, sinh năm 1980, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** vay của bị cáo **H** cụ thể (bút lục số 112-115, sổ ghi trang 76): Ngày 29/9/2023, vay 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **C1** đã trả 33 ngày với số tiền 13.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi, còn nợ 9.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 13.200.000 đồng **C1** đã trả thì gồm 11.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 361.664 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.838.356 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

11. Nguyễn Thị G1, sinh năm 1979, cư trú tại **buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 116-119, sổ ghi trang 100-103):

- Lần 1: Ngày 22/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 52 ngày với số tiền 10.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi, còn nợ 1.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 10.400.000 đồng đã trả thì gồm 8.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 284.932 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.448.402 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 05/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm tiền gốc, lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 40 ngày với số tiền 8.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi, còn nợ 3.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 8.000.000 đồng đã trả thì gồm 6.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 219.178 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.114.155 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 20/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 5.000.000 đồng đã trả thì gồm 4.166.667 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 136.986 đồng, tiền thu lợi bất chính 696.347 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 12/11/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả được 02 ngày với số tiền 400.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 400.000 đồng đã trả thì gồm 333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 10.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 55.708 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Hiện tại bà **G1** còn nợ bị cáo **H** tổng số tiền gốc là 20.166.669 đồng.

12. Trần Thị D2, sinh năm 1977, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 120-123, sổ ghi trang 124-126):

- Lần 1: Ngày 31/8/2023, vay 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 56 ngày với số tiền

56.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 56.000.000 đồng đã trả thì gồm 46.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 1.534.247 đồng, tiền thu lợi bất chính 7.799.087 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 26/9/2023, vay 85.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.700.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 45 ngày với số tiền 76.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ là 21.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 76.500.000 đồng đã trả thì gồm 63.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 2.095.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 10.654.110 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 01/11/2023, vay 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà D2 đã trả 13 ngày với số tiền 13.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ là 39.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 13.000.000 đồng đã trả thì gồm 10.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 356.164 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.810.502 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Hiện tại bà D2 còn nợ bị cáo H tổng số tiền gốc là 63.750.001 đồng.

13. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968, cư trú tại tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của bị cáo H các lần cụ thể (bút lục số 124-127, trong sổ ghi trang số 148-150):

- Lần 1: Ngày 04/9/2023, vay 15.000.000 đồng mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà B đã trả đủ 60 ngày. Đối với 18.000.000 đồng đã trả thì gồm 15.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 493.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 16/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà B đã trả được 48 ngày với số tiền 9.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 9.600.000 đồng đã trả thì gồm 8.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 263.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.336.986 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 01/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà B đã trả được 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.400.000 đồng đã trả thì gồm 2.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 65.753 đồng. Tiền thu lợi bất chính là 334.247 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà B còn nợ bị cáo H là 10.000.000 đồng, tuy nhiên vào đầu tháng 12/2023 (không nhớ ngày cụ thể) bà B đã trả thêm cho bị cáo H số tiền 7.900.000 đồng tiền gốc. Hiện tại bà B còn nợ bị cáo H số tiền 2.100.000 đồng.

14. Đặng Thị D3, sinh năm 1983, cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của bị cáo H cụ thể (bút lục số 128-131, sổ ghi trang số 171-172): Ngày 16/10/2023, vay 30.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. D3 đã trả 17 ngày với số tiền 10.200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi, còn nợ lại 43 ngày với số tiền 25.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Đối với số tiền còn nợ lại thì bà D3 và bị cáo H thỏa thuận mỗi ngày trả 400.000 đồng và trả trong 60 ngày với số tiền 24.000.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng thì khi nào D3 có tiền thì trả sau. Bà D3 đã trả 04 ngày với số tiền 1.600.000 đồng nhưng bà D3 mới đưa 1.500.000 đồng và nợ 100.000 đồng. Hiện tại D3 còn nợ bị cáo H số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.2000.000 đồng D3 trả thì gồm 8.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 279.452 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.420.548 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

15. Lê Thị Á, sinh năm 1979, cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay của bị cáo H các lần cụ thể (bút lục số 132-133, sổ ghi trang số 196-199):

- Lần 1: Ngày 12/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Á đã trả 06 ngày với số tiền 600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.500.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 600.000 đồng đã trả thì gồm 500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 16.438 đồng, tiền thu lợi bất chính là 83.562 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 29/8/2023, vay 30.000.000 đồng mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Á đã trả 50 ngày với số tiền 30.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 30.000.000 đồng đã trả thì gồm 25.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 821.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.178.082 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 03/9/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Á đã trả 47 ngày với số tiền 9.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 9.400.000 đồng đã trả thì gồm 7.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 257.534 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.309.132 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 20/9/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Á đã trả 30 ngày với số tiền 3.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.000.000 đồng Á đã trả thì gồm 2.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 82.192 đồng, tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc Á còn nợ bị cáo H là 14.166.667 đồng.

16. Trần Thị Kim O1, sinh năm 1972, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 134-137, trong sổ ghi trang số 219-220):

- Lần 1: Ngày 30/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **O1** đã trả 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ là 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.000.000 đồng bà **O1** đã trả thì gồm 2.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 82.192, tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 08/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **O1** đã trả 06 ngày với số tiền 1.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.200.000 đồng đã trả thì gồm 1.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 32.877 đồng, tiền thu lợi bất chính là 167.123 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **O1** còn nợ bị cáo **H** là 16.500.000 đồng.

17. Nguyễn Thị V2, sinh năm 1961, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 138-142, trong sổ ghi trang số 241-253):

- Lần 1: Ngày 19/9/2023, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong vòng 60 ngày. Đã trả 32 ngày với số tiền 4.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 4.800.000 đồng đã trả thì gồm 4.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 131.507 đồng, tiền thu lợi bất chính là 668.493 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 22/10/2023, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 42 ngày với số tiền 6.300.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 6.300.000 đồng đã trả thì gồm 5.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 172.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 877.397 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 2/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 41 ngày với số tiền 8.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 8.200.000 đồng đã trả thì gồm 6.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 224. 658 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.142.009 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 07/10/2023, vay 8.500.000 đồng, mỗi ngày trả 170.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 37 ngày với số tiền 6.290.000 đôn gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.258.334 đồng tiền gốc. Đối với 6.290.000 đồng đã trả thì gồm 5.241.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 172.329 đồng, tiền thu lợi bất chính là 876.005 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 12/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 32 ngày với số tiền 3.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 3.200.000 đồng đã trả thì gồm 2.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 87.671 đồng, tiền thu lợi bất chính là 445.662 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 19/10/2023, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.375.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.750.000 đồng đã trả thì gồm 3.125.000 đồng tiền gốc, **T4** lãi cho phép là 102.740 đồng, tiền thu lợi bất chính là 522.260 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 7: Ngày 23/10/2023, vay 6.500.000 đồng, mỗi ngày trả 130.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả được 21 ngày với số tiền 2.730.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.225.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.730.000 đồng đã trả thì gồm 2.275.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 74.795 đồng, tiền thu lợi bất chính là 380.205 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 8: Ngày 27/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 18 ngày với số tiền 1.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.800.000 đồng đã trả thì gồm 1.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 49.315 đồng, tiền thu lợi bất chính là 250.685 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 9: Ngày 30/10/2023, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và, trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 14 ngày với số tiền 2.100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.100.000 đồng đã trả thì gồm 1.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 57.534 đồng, tiền thu lợi bất chính là 292.466 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 10: Ngày 02/11/2023, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 11 ngày với số tiền 1.650.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.125.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.650.000 đồng đã trả thì gồm 1.375.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 45.205 đồng, tiền thu lợi bất chính là 229.795 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 11: Ngày 04/11/2023, vay 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 09 ngày với số tiền 2.700.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 12.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.700.000 đồng đã trả thì gồm 2.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 73.973 đồng, tiền thu lợi bất chính là 376.027 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 12: Ngày 12/11/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **V2** đã trả 01 ngày với số tiền 200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 200.000 đồng đã trả thì gồm 166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 5.479, tiền thu lợi bất chính là 27.854 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **V2** còn nợ bị cáo **H** là 61.088.669 đồng.

18. Lê Thị L, sinh năm 1976, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 143-146, sổ ghi trang số 264-271):

- Lần 1: Ngày 08/9/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 52 ngày với số tiền 10.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 10.400.000 đồng đã trả thì gồm 8.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 284.932, tiền thu lợi bất chính là 1.448.402 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 23/09/2023, vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 50.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 50 ngày với số tiền 2.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 416.667 đồng tiền gốc. Đối với 2.500.000 đồng đã trả thì gồm 2.083.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 68.493 đồng, tiền thu lợi bất chính là 348.174 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 02/10/2023, vay 3.500.000 đồng, mỗi ngày trả 70.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 40 ngày với số tiền 2.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 2.800.000 đồng đã trả thì gồm 2.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 76.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 389.954 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 12/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 31 ngày với số tiền 3.100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.416.667 đồng tiền gốc. Đối với 3.100.000 đồng đã trả thì gồm 2.583.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 84.932 đồng, tiền thu lợi bất chính là 431.735 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 18/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 26 ngày với số tiền 2.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 2.600.000 đồng đã trả thì gồm 2.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 71.233 đồng, tiền thu lợi bất chính là 362.100 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 25/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 19 ngày với số tiền 1.900.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.416.667 đồng tiền gốc. Đối

với 1.900.000 đồng đã trả thì gồm 1.583.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 52.055 đồng, tiền thu lợi bất chính là 264.612 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 7: Ngày 31/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 13 ngày với số tiền 2.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 7.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 2.600.000 đồng đã trả thì gồm 2.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 71.233 đồng, tiền thu lợi bất chính là 362.100 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 8: Ngày 11/11/2023, vay 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 120.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L** đã trả 02 ngày với số tiền 240.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.800.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 240.000 đồng đã trả thì gồm 200.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 6.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 33.425 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **L** còn nợ bị cáo **H** là 25.216.670 đồng.

19. Trần Thị L1, sinh năm 1957, cư trú tại **tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 147-150, trong sổ ghi trang 288-289):

- Lần 1: Ngày 10/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 37 ngày với số tiền 3.700.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.916.667 đồng tiền gốc. Đối với 3.700.000 đồng đã trả thì gồm 3.083.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 101.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 515.297 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 17/9/2023, vay 5.000.000 đồng, **H** không tính lãi, **L1** đã trả đủ số tiền vay, đã trả đủ.

- Lần 3: Ngày 17/10/2023, vay 5.000.000 đồng. khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi và **L1** đã trả đủ số tiền vay.

Tổng tiền gốc **L1** còn nợ bị cáo **H** là 1.916.667 đồng.

20. Trịnh Thị Thu H3, sinh năm 1958, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 151-152, sổ ghi từ trang 308-309):

- Lần 1: Ngày 06/10/2023, vay 2.930.000 đồng mỗi ngày trả 70.000 đồng đến khi trả đủ số tiền 2.930.000 đồng. Khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi. Đã trả được 39 ngày với số tiền 2.730.000 đồng, còn nợ lại 200.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 05/11/2023, vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 50.000 đồng đến khi trả đủ số tiền 2.500.000 đồng và khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi. **H3** đã trả 08 ngày với số tiền 400.000 đồng còn nợ lại 2.100.000 đồng.

Tổng số tiền gốc bà **H3** còn nợ bị cáo **H** là 2.300.000 đồng.

21. Nguyễn Thị M, sinh năm 1990, cư trú tại **tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 153-156, sổ ghi từ trang 314-318):

- Lần 1: Ngày 17/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng trả trong 60 ngày. Khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi. **M** đã trả được 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/10/2023, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 22 ngày với số tiền 4.400.000 đồng gồm cả gốc và lãi, còn nợ 6.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 4.400.000 đồng đã trả thì gồm 3.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 120.548 đồng, tiền thu lợi bất chính 612.785 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 20/10/2023, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 20 ngày với số tiền 2.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 2.000.000 đồng đã trả thì gồm 1.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 54.795 đồng, tiền thu lợi bất chính 278.539 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 26/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **M** đã trả 16 ngày với số tiền 1.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 1.600.000 đồng đã trả thì gồm 1.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 43.836 đồng, tiền thu lợi bất chính là 222.831 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 07/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **M** đã trả 05 ngày với số tiền 1.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 1.000.000 đồng đã trả thì gồm 833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 27.397 đồng, tiền thu lợi bất chính là 139.269 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc **M** còn nợ bị cáo **H** 26.500.000 đồng.

22. Võ Thị Thảo L2, sinh năm 1975, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 157-160, sổ ghi từ trang 332-336):

- Lần 1: Ngày 21/9/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 39 ngày với số tiền 3.900.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.900.000 đồng đã trả thì gồm 3.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 106.849 đồng, tiền thu lợi bất chính là 543.151 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 15/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả được 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Đối với

6.000.000 đồng đã trả thì có 5.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 164.384 đồng, tiền thu lợi bất chính là 835.616 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 24/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 21 ngày với số tiền 2.100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.100.000 đồng đã trả thì có 1.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 57.534 đồng, tiền thu lợi bất chính là 292.466 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 30/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 15 ngày với số tiền 1.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.500.000 đồng đã trả thì gồm 1.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 208.904 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 03/11/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả được 11 ngày với số tiền 1.100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.083.334 đồng tiền gốc. Đối với 1.100.000 đồng đã trả thì gồm 916.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 30.137 đồng, tiền thu lợi bất chính của là 153.196 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **L2** còn nợ bị cáo **H** là 35.666.668 đồng.

23. Phùng Thị P (M), sinh năm 1981, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 161-164, sổ ghi từ trang 355-357):

- Lần 1: Ngày 30/9/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 45 ngày với số tiền 9.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 9.000.000 đồng đã trả thì gồm 7.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 246.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.253.425 đồng. Lãi suất tương ứng là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 16/10/2023, vay 15.000.000 đồng mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 30 ngày với số tiền 9.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 9.000.000 đồng trả thì gồm 7.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 246.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.253.425 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 12/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 02 ngày với số tiền 400.000 đồng, còn nợ 9.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 400.000 đồng đã trả thì gồm 333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 10.959 đồng, tiền thu lợi bất chính 55.708 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **P** còn nợ bị cáo **H** là 19.666.667 đồng.

24. **Nguyễn Thành T1**, sinh năm 1986, cư trú tại **tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (bút lục số 165-168, sổ ghi trang 358):

Ngày 09/11/2023 **T1** vay bị cáo **H** 20.000.000 đồng mỗi ngày trả 400.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 05 ngày với số tiền 2.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 18.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 2.000.000 đồng đã trả thì gồm 1.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 54.795 đồng, tiền thu lợi bất chính là 278.539 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

25. Ông **T5** (Bị cáo **H** khai **T5** nhà ở **tổ dân phố A thị trấn P**, tuy nhiên quá trình xác minh không có): Ngày 01/9/2023 **T5** vay bị cáo **H** 20.000.000 đồng mỗi ngày trả 400.000 đồng gồm cả tiền gốc, lãi và trả trong 60 ngày. **T5** chưa trả ngày nào, còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc (bút lục số 62, 263 trong sổ ghi trang 380).

26. **Trần Thị C2**, sinh năm 1960, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** (nơi ở hiện tại **tổ dân phố H, thị trấn P**) vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 169-172, sổ ghi từ trang 382-383):

- Lần 1: Ngày 01/11/2023 vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 12 ngày với số tiền 1.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.200.000 đồng đã trả thì gồm 1.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 32.877 đồng, tiền thu lợi bất chính là 167.123 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 09/11/2023 vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 04 ngày với số tiền 400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 400.000 đồng đã trả thì gồm 333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 10.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 55.708 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc **C2** còn nợ bị cáo **H** là 8.666.667 đồng.

27. **Nguyễn Thị Kim O2**, sinh năm 1979, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 173-174, sổ ghi từ trang 403-405; 436-437, 806):

- Lần 1: Ngày 10/10/2023, vay 15.000.000 đồng mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **O2** đã trả 35 ngày với số tiền 10.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 10.500.000 đồng đã trả thì gồm 8.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 287.671 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.462.329 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 12/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **O2** đã trả 33 ngày với số tiền 3.300.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.300.000 đồng đã trả thì gồm 2.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là

90.411 đồng, tiền thu lợi bất chính là 459.589 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 15/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong vòng 60 ngày. Bà O2 đã trả 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 6.000.000 đồng đã trả thì gồm 5.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 164.384 đồng, tiền thu lợi bất chính là 835.616 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 20/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà O2 đã trả 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 5.000.000 đồng đã trả thì gồm 4.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 136.986 đồng, tiền thu lợi bất chính là 696.347 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 20/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà O2 đã trả 25 ngày với số tiền 2.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.916.667 đồng tiền gốc. Đối với 2.500.000 đồng đã trả thì gồm 2.083.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 68.493 đồng, tiền thu lợi bất chính là 348.174 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 29/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. O2 đã trả 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.000.000 đồng đã trả thì gồm 2.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 82.192 đồng, tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà O2 còn nợ bị cáo H là 29.750.000 đồng.

28. Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1996, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo H các lần cụ thể (bút lục số 175-178, sổ ghi từ trang 428-430):

- Lần 1: Ngày 25/9/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. N1 đã trả 39 ngày với số tiền 3.900.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.900.000 đồng N1 trả thì gồm 3.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 106.849 đồng, tiền thu lợi bất chính là 543.151 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 23/10/2023, vay 15.000.000 đồng mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. N1 đã trả 22 ngày với số tiền 6.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 6.600.000 đồng N1 đã trả thì gồm 5.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 180.822 đồng, tiền thu lợi bất chính là 919.178 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 02/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **N1** đã trả 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.400.000 đồng **N1** đã trả thì gồm 2.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 334.247 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc **N1** còn nợ bị cáo **H** là 19.250.000 đồng.

29. Nguyễn Thị L3, sinh năm 1972, cư trú tại **tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 179-182, sổ ghi từ trang 452-453):

- Lần 1: Ngày 28/8/2023 vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong vòng 60 ngày. Bà **L3** đã trả 40 ngày với số tiền 4.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 4.000.000 đồng bà **L3** đã trả thì gồm 3.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 109.589 đồng, tiền thu lợi bất chính là 557.078 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 30/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **L3** đã trả 15 ngày với số tiền 1.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.750.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.500.000 đồng bà **L3** đã trả thì gồm 1.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 208.904 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc bà **L3** còn nợ bị cáo **H** là 5.416.667 đồng.

30. Bà B1 (bị cáo **H** khai không rõ địa chỉ và quá trình điều tra không thể xác minh được nhân thân), vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục 62, 269, ghi trong sổ 476-482):

- Lần 1: Ngày 19/8/2023, vay 6.670.000 đồng mỗi ngày trả 80.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 100 ngày. Bà **B1** đã trả 44 ngày với số tiền 3.520.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.735.200 đồng tiền gốc. Đối với 3.520.000 đồng **B1** trả thì gồm 2.934.800 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 160.811 đồng, tiền thu lợi bất chính là 424.389 đồng. Lãi suất khoản vay này là 72,78% trên năm, gấp 3,64 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 27/08/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 60.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 100 ngày. Bà **B1** đã trả 36 ngày với số tiền 2.160.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.200.000 đồng tiền gốc. Đối với 2.160.000 đồng **B1** đã trả thì gồm 1.800.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 98.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 261.370 đồng. Lãi suất khoản vay này là 73,00% trên năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 09/9/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **B1** đã trả 23 ngày với số tiền 4.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 4.600.000 đồng đã trả thì gồm 3.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là

126.027 đồng, tiền thu lợi bất chính là 640.639 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 09/9/2023, vay 8.340.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 100 ngày. Bà **B1** đã trả 23 ngày với số tiền 2.300.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.421.800 đồng tiền gốc. Đối với 2.300.000 đồng đã trả thì gồm 1.918.200 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 105.107 đồng, tiền thu lợi bất chính là 276.693 đồng. Lãi suất khoản vay này là 72,65% trên năm, gấp 3,63 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 5: Ngày 17/9/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 60.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 100 ngày. Bà **B1** đã trả được 15 ngày với số tiền 900.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 900.000 đồng đã trả thì gồm 750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 108.904 đồng. Lãi suất khoản vay này là 73,00% trên năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 21/09/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả trong 60 ngày. Bà **B1** đã trả được 11 ngày với số tiền 1.100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.083.334 đồng tiền gốc. Đối với 1.100.000 đồng đã trả thì gồm 916.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 30.137 đồng, tiền thu lợi bất chính là 153.196 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 7: Ngày 27/09/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả trong 60 ngày. Bà **B1** đã trả được 05 ngày với số tiền 500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.583.334 đồng tiền gốc. Đối với 500.000 đồng đã trả thì gồm 416.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 13.699 đồng, tiền thu lợi bất chính là 69.635 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **B1** còn nợ bị cáo **H** là 32.440.335 đồng.

31. Bà **T3** (bị cáo **H** khai không rõ địa chỉ và quá trình điều tra không thể xác minh được nhân thân): Ngày 28/9/2023, **T3** vay bị cáo **H** 7.000.000 đồng mỗi ngày trả 140.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi, trả trong 60 ngày. **T3** đã trả 48 ngày với số tiền 6.720.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.400.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 6.720.000 đồng đã trả thì gồm 5.600.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 184.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 935.890 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 63, 270, trang 498 trong sổ).

32. **Trần Thị Kiều V4**, sinh năm 1977, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 183-186, sổ ghi từ trang 510-512):

- Lần 1: Ngày 10/9/2023, vay 30.000.000 đồng mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 50 ngày với số tiền 30.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 30.000.000 đồng đã trả thì gồm 25.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là

821.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.178.082 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 14/10/2023, vay 20.000.000 đồng mỗi ngày trả 400.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **V4** đã trả 31 ngày với số tiền 12.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 12.400.000 đồng đã trả thì gồm 10.333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 339.726 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.726.941 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 29/10/2023, vay 30.000.000 đồng mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 16 ngày với số tiền 9.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 22.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 9.600.000 đồng đã trả thì gồm 8.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 263.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.336.986 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **V4** còn nợ bị cáo **H** là 36.666.667 đồng.

33. Văn Thị Duy H5, sinh năm 1987, cư trú tại **tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 187-190, sổ ghi từ trang 522-523):

- Lần 1: Ngày 20/10/2023, vay 20.000.000 đồng mỗi ngày trả 260.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 100 ngày. **H5** đã trả 18 ngày với số tiền 4.680.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 16.400.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 4.680.000 đồng đã trả thì gồm 3.600.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 197.260 đồng, tiền thu lợi bất chính 882.740 đồng. Lãi suất khoản vay này 109,50% trên năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 15/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H5** đã trả 28 ngày với số tiền 5.600.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 5.600.000 đồng đã trả thì gồm 4.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 153.425 đồng, tiền thu lợi bất chính là 779.909 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc **H5** còn nợ bị cáo **H** là 21.733.334 đồng.

34. Ngô Thị Mỹ H6, sinh năm 1972, cư trú tại **Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 191-194, 273, trong sổ trang 546-551, 671):

- Lần 1: Ngày 24/9/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả 40 ngày với số tiền 8.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 8.000.000 đồng đã trả thì gồm 6.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 219.178 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.114.155 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 05/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H6** đã trả 36 ngày với số tiền

7.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 7.200.000 đồng đã trả thì gồm 6.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 197.260 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.002.740 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 22/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H6** đã trả 22 ngày với số tiền 4.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 4.400.000 đồng đã trả thì gồm 3.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 120.548 đồng, tiền thu lợi bất chính là 612.785 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 24/10/2023, vay 10.000.000 đồng, khoản vay này bị cáo **H** không tính lãi và **H6** đã trả đủ.

- Lần 5: Ngày 04/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H6** đã trả 09 ngày với số tiền 1.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 8.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.800.000 đồng **H6** trả thì gồm 1.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 49.315 đồng, tiền thu lợi bất chính 250.685 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 6: Ngày 09/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H6** đã trả 04 ngày với số tiền 800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 800.000 đồng **H6** trả thì gồm 666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 21.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 111.416 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 7: Ngày 02/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H6** đã trả 35 ngày với số tiền 7.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 7.000.000 đồng đã trả thì gồm 5.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 191.781 đồng, tiền thu lợi bất chính 974.886 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc **H6** còn nợ bị cáo **H** là 35.666.669 đồng.

35. Võ Thị H7, sinh năm 1979, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 195-198, sổ ghi từ trang số 570-571):

- Lần 1: Ngày 13/09/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H7** đã trả 46 ngày với số tiền 9.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.333.334 đồng tiền gốc. Đối với 9.200.000 đồng **H7** trả thì gồm 7.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 252.055 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.281.279 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự

- Lần 2: Ngày 01/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Huệ trả 09 ngày với số tiền 1.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 8.500.000 đồng tiền lãi. Đối với

1.800.000 đồng **H7** trả thì gồm 1.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 49.315 đồng, tiền thu lợi bất chính là 250.685 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **H7** còn nợ bị cáo **H** là 10.833.334 đồng.

36. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1986, cư trú tại **tổ dân phố D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Ngày 25/10/2023 **H8** vay bị cáo **H** 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H8** đã trả 20 ngày với số tiền 2.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.333.334 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 2.000.000 đồng **H8** đã trả thì gồm 1.666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 54.795 đồng, tiền thu lợi bất chính là 278.539 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục 274, sổ ghi trang số 582).

37. Nguyễn Văn V3, sinh năm 1971, cư trú tại **tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 203-206, 275, sổ ghi trang 594-596):

- Lần 1: Ngày 20/9/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **V3** đã trả 51 ngày với số tiền 10.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 10.200.000 đồng Việt trả thì gồm 8.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 279.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.420.548 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 10/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **V3** trả 34 ngày với số tiền 3.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.166.667 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 3.400.000 đồng Việt trả thì gồm 2.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 93.151 đồng, tiền thu lợi bất chính 473.516 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 10/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và, trả trong 60 ngày. **V3** đã trả 04 ngày với số tiền 800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.333.334 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 800.000 đồng Việt trả thì gồm 666.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 21.918 đồng, tiền thu lợi bất chính 111.416 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc ông **V3** còn nợ bị cáo **H** là 13.000.000 đồng.

38. Phan Công M1, sinh năm 1967, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Ngày 07/10/2023, **M1** vay bị cáo **H** 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Ông **M1** đã trả 38 ngày được 3.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 1.833.334 đồng tiền gốc. Đối với 3.800.000 đồng Minh trả thì gồm 3.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 104.110 đồng, tiền thu lợi bất chính 529.224 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 207-210, 276, sổ trang 606).

39. Chị **Y** (nhà ở **Buôn M**, bị cáo **H** khai tên **Phan Thị Y1**, sinh năm 1960, cư trú tại **A X, phường T, thành phố B**, tuy nhiên quá trình xác minh thì tại địa phương không có người này) vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 64, 276, 282 trong sổ ghi trang 607-608):

- Lần 1: Ngày 10/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **Y1** đã trả 35 ngày với số tiền 7.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.166.667 đồng tiền gốc. Đối với 7.000.000 đồng **Y1** trả thì gồm 5.833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 191.781 đồng, tiền thu lợi bất chính 974.886 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 05/11/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **Y1** đã trả 10 ngày với số tiền 1.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.166.667 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 1.000.000 đồng **Y1** trả thì gồm 833.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 27.397 đồng, tiền thu lợi bất chính 139.269 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **Y1** còn nợ bị cáo **H** là 8.333.334 đồng.

40. **Đào Thị Kim L4**, sinh năm 1976, cư trú tại **tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 211-214, 276, sổ ghi trang 618-620):

- Lần 1: Ngày 15/9/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Đã trả đủ 60 ngày được 6.000.000 đồng. Đối với 6.000.000 đồng đã trả thì có 5.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính 835.616 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 09/11/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **L4** đã trả 06 ngày được 1.200.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 9.000.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.200.000 đồng bà **L4** trả thì gồm 1.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 32.877 đồng, tiền thu lợi bất chính 167.123 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 3: Ngày 13/11/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **L4** đã trả 01 ngày với số tiền 100.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.916.667 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 100.000 đồng bà **L4** trả thì gồm 83.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 2.740 đồng, tiền thu lợi bất chính 13.927 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc bà **L4** còn nợ bị cáo **H** là 13.916.667 đồng.

41. **Lương Thị Thu H9**, sinh năm 1987, cư trú tại **thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Ngày 11/10/2023, vay bị cáo **H** 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **H9** đã trả 33 ngày được 3.300.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 3.300.000 đồng bà **H9** trả thì gồm 2.750.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho

phép là 90.411 đồng, tiền thu lợi bất chính là 459.589 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 215-218, sổ ghi trang 626).

42. Phạm Thị Mai P1, sinh năm 1980, cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: Ngày 27/10/2023, vay bị cáo H 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. P1 đã trả 15 ngày được 3.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 3.000.000 đồng P1 trả thì có 2.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 82.192 đồng, tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 219-220, sổ ghi trang 642).

43. Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1972, cư trú tại tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K: Ngày 17/10/2023, vay bị cáo H 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. P2 đã trả 27 ngày được 5.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 5.400.000 đồng P2 đã trả thì gồm 4.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 752.055 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 221-224, sổ trang 668).

44. Nguyễn Thị Mỹ H10, sinh năm 1970, cư trú tại tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay của bị cáo H các lần cụ thể (sổ ghi trang 669-670; 735-736):

- Lần 1: Ngày 15/10/2023, vay 15.000.000 đồng mỗi ngày trả 300.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. H10 đã trả 26 ngày với số tiền là 7.800.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 8.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 7.800.000 đồng H10 trả thì gồm 6.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 213.699 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.086.301 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 15/10/2023, vay 190.000.000 đồng mỗi ngày trả 1.300.000 đồng đến khi đủ 190.000.000 đồng. Khoản vay này bị cáo H không tính lãi. H10 đã trả 24 ngày với số tiền là 31.200.000 đồng còn nợ 158.800.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 18/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. H10 đã trả 27 ngày với số tiền 5.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 5.400.000 đồng H10 trả thì gồm 4.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính 752.055 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 4: Ngày 03/11/2023, vay 7.500.000 đồng mỗi ngày trả 150.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. H10 đã trả 10 ngày với số tiền 1.500.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 6.250.000 đồng tiền gốc. Đối với 1.500.000 đồng H10 trả thì gồm 1.250.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 41.096 đồng, tiền thu lợi bất chính là 208.904 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **H10** còn nợ bị cáo **H** là 179.050.000 đồng

45. Trương Thị Kim T2, sinh năm 1974, cư trú tại **thôn D, xã H, huyện K** vay các lần (bút lục số 225-226, sổ ghi trang 689-690):

- Lần 1: Ngày 17/10/2023, vay 10.000.000 đồng mỗi ngày trả 200.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **T2** đã trả 27 ngày với số tiền 5.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 5.500.000 đồng tiền gốc. Đối với 5.400.000 đồng đã trả thì gồm 4.500.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính 752.055 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 10/11/2023, vay 3.000.000 đồng mỗi ngày trả 60.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **T2** đã trả 03 ngày với số tiền 180.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 2.850.000 đồng tiền gốc. Đối với 180.000 đồng bà **T2** trả thì gồm 150.000 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 4.932 đồng, tiền thu lợi bất chính là 25.068 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bà **T2** còn nợ bị cáo **H** là 8.350.000 đồng.

46. Nguyễn Thị C3, sinh năm 1967, cư trú tại **tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Ngày 17/10/2023, **C3** vay bị cáo **H** 11.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 110 ngày. Bị cáo **H** không tính lãi, **C3** đã trả 12 ngày với số tiền 1.200.000 đồng còn nợ 9.800.000 đồng (bút lục số 227-229, sổ ghi trang 714).

47. Lan Bình (không rõ địa chỉ): Ngày 26/10/2023, **B2** vay bị cáo **H** 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. Bà **B2** đã trả 19 ngày với số tiền 1.900.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.416.667 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 1.900.000 đồng bà **B2** trả thì gồm 1.533.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 52.055 đồng, tiền thu lợi bất chính là 264.612 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (bút lục số 65, 281, trong sổ ghi trang 782).

48. Bế Thị Châm T3, sinh năm 1969, cư trú tại **tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K** vay của bị cáo **H** các lần cụ thể (bút lục số 281-281, sổ ghi trang số 817-818):

- Lần 1: Ngày 30/10/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **T3** đã trả 14 ngày được 1.400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 3.833.334 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 1.400.000 đồng bà **T3** đã trả thì gồm 1.166.666 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 38.356 đồng, tiền thu lợi bất chính là 194.977 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Lần 2: Ngày 09/11/2023, vay 5.000.000 đồng mỗi ngày trả 100.000 đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi và trả trong 60 ngày. **T3** đã trả 04 ngày với số tiền 400.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, còn nợ 4.666.667 đồng tiền gốc. Đối với 400.000 đồng bà **T3** trả thì gồm 333.333 đồng tiền gốc, tiền lãi cho phép là 10.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 55.708 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67% trên năm, gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc **T3** còn nợ bị cáo **H** là 8.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã cho vay là 1.945.940.000 đồng. Trong đó có 565.430.000 đồng là số tiền bị cáo **H** cho vay không tính lãi, còn lại 1.380.510.000 đồng bị cáo **H** cho vay với lãi suất từ 109% đến 121,67% trên năm, gấp 5,48 đến 6,08 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng tiền thu lợi bất chính là 101.526.151 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 cuốn sổ màu đỏ, kích thước 16cm x 22cm gồm 829 trang giấy được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 829 thể hiện quá trình bị cáo **H** cho người vay được lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím số màu đen, số Imei 358253/04/7714368; 01 sim điện thoại số 0946770102.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố đối với bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự đúng và không oan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm bà **Vũ Thị Thu H2** xác nhận còn nợ bị cáo **H** 31.200.000 đồng; **Đào Thị T** xác nhận còn nợ bị cáo **H** 42.752.002 đồng; **Trần Thị D2** trình bày là bà đã trả hết cho bị cáo **H** số tiền 63.750.001 đồng và tại phiên tòa được bị cáo **H** xác nhận là đúng; Bà **Nguyễn Thị V2** trình bày còn nợ bị cáo **H** 61.088.669 đồng nhưng đã trả được 5.800.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bị cáo **H** 55.288.669 đồng và tại phiên tòa được bị cáo **H** xác nhận là đúng; Bà **Trần Thị L1** xác nhận còn nợ 1.916.667 đồng; Bà **Lê Thị L** trình bày có nợ bị cáo 25.216.670 đồng nhưng đã trả được 16.916.670 đồng, hiện chỉ còn nợ bị cáo số tiền 8.300.000 đồng và tại phiên tòa được bị cáo **H** xác nhận lời khai của **L** là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** số tiền 30.000.000đồng đến 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím số màu đen, số Imei 358253/04/7714368 đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 xác sim số điện thoại 0946770102.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 quyển vở có ghi thông tin những vay của **H** và quá trình trả tiền.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị H12 H** dùng vào việc phạm tội 868.849.315 đồng (**T6** trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã thu theo lãi suất theo quy định 20.190.849 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có (tiền lãi suất theo quy định), để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **B1** và bà **T3** với tổng số tiền 2.870.716 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

- Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải trả lại tổng số tiền 100.641.052 đồng (Một trăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm mươi hai đồng) là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định) cụ thể trả cho: **Dur Thùy Dung** 584.932 đồng; **Đỗ Thu H1** 167.123 đồng; **Bùi Thị Trường A** 194.977 đồng; **Trần Thị N** 696.347 đồng; **Vũ Thị Kim O** 1.044.521 đồng; **Võ Quyền** 2.353.653 đồng; **Đào Thị T** 8.224.822 đồng; **Nguyễn Đức C1** 1.838.356 đồng; **Nguyễn Thị G1** 5.152.968 đồng; **Trần Thị D2** 20.263.699 đồng; **Nguyễn Thị B** 4.178.082 đồng; **Đặng Thị D3** 1.420.548 đồng; **Lê Thị Á** 5.988.584 đồng; **Trần Thị Kim O1** 584.931 đồng; **Nguyễn Thị V2** 6.381.324 đồng; **Lê Thị L** 3.640.502 đồng; **Trần Thị L1** 515.297 đồng; **Nguyễn Thị M** 1.114.155 đồng; **Võ Thị Thảo L2** 2.033.333 đồng; **Phùng Thị P** 2.562.558 đồng; **Nguyễn Thành T1** 278.539 đồng; **Trần Thị C2** 222.831 đồng; **Nguyễn Thị Kim O2** 4.219.863 đồng; **Nguyễn Thị Ngọc N1** 1.796.576 đồng; **Nguyễn Thị L3** 765.982 đồng; **Trần Thị Kiều V4** 7.242.100 đồng; **Văn Thị Duy H5** 1.662.649 đồng; **Ngô Thị H6** 4.066.640 đồng; **Võ Thị H7** 1.531.964 đồng; **Nguyễn Thị H8** 278.539 đồng; **Nguyễn Văn V3** 2.005.480 đồng; **Phan Công M1** 529.224 đồng; **Phan Thị Y1** 1.114.155 đồng; **Đào Thị Kim L4** 1.016.666 đồng; **Lương Thị Thu H9** 459.589 đồng; **Phạm Thị Mai P1** 417.808 đồng; **Nguyễn Thị Bích P2** 752.055 đồng; **Nguyễn Thị Mỹ H10** 2.047.260 đồng; **Trương Thị Kim T2** 777.123 đồng; **Lê Thị B3** 264.612 đồng; **Bé Thị Châm T3** 250.685 đồng.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền là 1.077.090.685 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) đã vay của bị cáo **H** nhưng chưa trả (tiền gốc), để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: **Dur Thùy Dung** 4.200.000 đồng; **Đỗ Thu H1** 14.000.000 đồng; **Vũ Thị Thu H2** 31.200.000 đồng; **Bùi Thị Trường A** 26.633.333 đồng; **Trần Thị N** 5.833.334 đồng; **Vũ Thị Kim O** 7.200.000 đồng; **Đặng Thị Hương G** 127.800.000 đồng; **Võ Quyền** 80.916.668 đồng; **Đào Thị T** 42.797.002 đồng; **Nguyễn Đức C1** 9.000.000 đồng; **Nguyễn Thị G1** 20.166.669 đồng; **Nguyễn Thị B** 2.100.000 đồng; **Đặng Thị D3** 20.000.000 đồng; **Lê Thị Á** 14.166.667 đồng; **Trần Thị Kim O1** 16.500.000 đồng; **Nguyễn Thị V2** 55.286.669 đồng; **Lê Thị L** 8.300.000 đồng; **Trần Thị L1** 1.916.667 đồng; **Trịnh Thị Thu H3** 2.300.000 đồng; **Nguyễn Thị M** 26.500.000 đồng; **Võ Thị Thảo L2** 35.666.668 đồng; **Phùng Thị P** 19.666.667 đồng; **Nguyễn Thành T1** 18.333.334 đồng; **Trần Thị C2** 8.666.667 đồng; **Nguyễn Thị Kim O2** 29.750.000 đồng; **Nguyễn Thị Ngọc N1** 19.250.000 đồng; **Nguyễn Thị L3** 5.416.667 đồng; **Trần Thị Kiều V4** 36.666.667 đồng; **Văn Thị Duy H5** 21.733.334 đồng; **Ngô Thị Mỹ H6** 35.666.669 đồng; **Võ Thị H7** 10.833.334 đồng; **Nguyễn Thị H8** 3.333.334 đồng; **Nguyễn Văn V3** 13.000.000 đồng; **Phan Công M1** 1.833.334 đồng; **Đào Thị Kim L4** 13.916.667 đồng; **Lương Thị Thu H9** 2.250.000 đồng; **Phạm Thị Mai P1** 7.500.000 đồng; **Nguyễn Thị Bích P2** 5.500.000 đồng; **Nguyễn Thị Mỹ H10** 179.050.000 đồng; **Trương Thị Kim T2** 8.350.000 đồng; **Nguyễn Thị C3** 9.800.000 đồng; **Bé Thị Châm T3** 8.500.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) gồm: **T5** (nhà ở **tổ dân phố A**, thị trấn **P**), **Chi B1**, **T3**, **Y1** (nhà ở **thành phố B**), **L** là những người vay tiền của bị cáo **Nguyễn Thị Hương H**, quá trình điều tra bị cáo **H** không biết địa chỉ cụ thể của những người này vì khi cho vay không giữ giấy tờ có liên quan của người vay. Kết quả xác minh theo lời khai của **H** thì hiện không có mặt tại địa phương hoặc không có thông tin như **H** cung cấp. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện K** chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với căn nhà **số B P**, **tổ dân phố F**, thị trấn **P**, huyện **K** nơi **H3** thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông **Hoàng Xuân T7** và bà **Phan Thị H13** đã cho bị cáo **H** thuê từ tháng 4 năm 2023; Việc bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã sử dụng địa điểm trên phạm tội thì ông **T7** và bà **H13** đều không biết, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi nêu trên, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi cá nhân nên mặc dù nhận thức được việc cho vay tiền với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng Nguyễn Thị Hương H vẫn thực hiện. Lãi suất người vay phải trả cho H từ 109%/năm đến 121%/năm, gấp 5,48 lần đến 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự. Trong thời gian từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023 bị cáo Nguyễn Thị Hương H đã cho vay với tổng số tiền 1.945.940.000 đồng và thu lợi bất chính số tiền 103.511.768 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hương H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”.

“2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét hành vi của bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo tự đặt ra mức lãi suất từ 109%/năm đến 121%/năm, gấp 5,48 lần đến 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đồng thời bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 103.511.768 đồng. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh

tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn **huyện K** nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo sửa chữa lỗi lầm. Giao bị cáo về địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** cho vay lãi nặng và nhằm thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.1] Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím số màu đen, số Imei 358253/04/7714368 đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 xác sim số điện thoại 0946770102.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 quyển vở có ghi thông tin những vay của **H** và quá trình trả tiền.

[7.2] Về trách nhiệm dân sự:

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** dùng vào việc phạm tội là 868.849.315 đồng (gồm 782.382.644 đồng + 86.466.671 đồng tiền mà bà **Trần Thị D2**, **Nguyễn Thị V2**, **Lê Thị L** trình bày đã trả thêm và được bị cáo **H** xác nhận là đúng tại phiên tòa), đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã thu theo lãi suất theo quy định 20.190.849 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có (tiền lãi suất theo quy định), để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải trả lại tổng số tiền 103.511.768 đồng là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất

vượt quy định) cụ thể trả cho: Dư Thùỵ Dung 584.932 đồng; Đỗ Thu H1 167.123 đồng; Bùi Thị Trườg A 194.977 đồng; Trần Thị N 696.347 đồng; Vũ Thị Kim O 1.044.521 đồng; Võ Quyền 2.353.653 đồng; Đào Thị T 8.224.822 đồng; Nguyễn Đức C1 1.838.356 đồng; Nguyễn Thị G1 5.152.968 đồng; Trần Thị D2 20.263.699 đồng; Nguyễn Thị B 4.178.082 đồng; Đặng Thị D3 1.420.548 đồng; Lê Thị Á 5.988.584 đồng; Trần Thị Kim O1 584.931 đồng; Nguyễn Thị V2 6.381.324 đồng; Lê Thị L 3.640.502 đồng; Trần Thị L1 515.297 đồng; Nguyễn Thị M 1.114.155 đồng; Võ Thị Thảo L2 2.033.333 đồng; Phùng Thị P 2.562.558 đồng; Nguyễn Thành T1 278.539 đồng; Trần Thị C2 222.831 đồng; Nguyễn Thị Kim O2 4.219.863 đồng; Nguyễn Thị Ngọc N1 1.796.576 đồng; Nguyễn Thị L3 765.982 đồng; bà B1 1.934.826 đồng; bà T3 935.890 đồng; Trần Thị Kiều V4 7.242.100 đồng; Văn Thị Duy H5 1.662.649 đồng; Ngô Thị H6 4.066.640 đồng; Võ Thị H7 1.531.964 đồng; Nguyễn Thị H8 278.539 đồng; Nguyễn Văn V3 2.005.480 đồng; Phan Công M1 529.224 đồng; Phan Thị Y1 1.114.155 đồng; Đào Thị Kim L4 1.016.666 đồng; Lương Thị Thu H9 459.589 đồng; Phạm Thị Mai P1 417.808 đồng; Nguyễn Thị Bích P2 752.055 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H10 2.047.260 đồng; Trương Thị Kim T2 777.123 đồng; Lê Thị B3 264.612 đồng; Bé Thị Châm T3 250.685 đồng. Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Hương H phải trả lại bà B1 1.934.826 đồng; bà T3 935.890 đồng là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định). Tuy nhiên, đối với bà B1, bà T3 thì trong quá trình điều tra bị cáo H khai không rõ địa chỉ cụ thể của những người này vì khi cho vay không giữ giấy tờ có liên quan của người vay, quá trình điều tra và tại phiên tòa không thể xác minh được nhân thân lai lịch của những người này nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Thị Hương H phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B1 và bà T3 với tổng số tiền 2.870.716 đồng. Do vậy, Bị cáo Nguyễn Thị Hương H còn phải trả lại tổng số tiền 100.641.052 đồng (Một trăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm mươi hai đồng) là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định).

Ngoài ra, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm Trần Thị D2 trình bày là bà đã trả hết cho bị cáo H số tiền 63.750.001 đồng; Bà Nguyễn Thị V2 trình bày hiện chỉ còn nợ bị cáo H 55.286.669 đồng; Bà Lê Thị L trình bày hiện chỉ còn nợ bị cáo số tiền 8.300.000 đồng, những khoản này đều được bị cáo H xác nhận là đúng. Đồng thời, đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) gồm: Ông T5, bà B1, bà T3, bà Y1, bà Lan B4 là những người vay tiền của bị cáo H, quá trình điều tra bị cáo H không biết địa chỉ cụ thể của những người này vì khi cho vay không giữ giấy tờ có liên quan của người vay. Kết quả xác minh theo lời khai của H thì những người này hiện không có mặt tại địa phương hoặc không có thông tin như H cung cấp và tại phiên tòa, bị cáo H cũng khai không biết, không rõ địa chỉ và không cung cấp được nhân thân lai lịch của những người này. Vì vậy, chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tách ra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Do vậy, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 1.077.090.685 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu không

trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) đã vay của bị cáo **H** nhưng chưa trả (tiền gốc), để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể gồm: **Dur Thùy Dung** 4.200.000 đồng; **Đỗ Thu H1** 14.000.000 đồng; **Vũ Thị Thu H2** 31.200.000 đồng; **Bùi Thị Trường A** 26.6333.333 đồng; **Trần Thị N** 5.833.334 đồng; **Vũ Thị Kim O** 7.200.000 đồng; **Đặng Thị Hương G** 127.800.000 đồng; **Võ Quyền** 80.916.668 đồng; **Đào Thị T** 42.797.002 đồng; **Nguyễn Đức C1** 9.000.000 đồng; **Nguyễn Thị G1** 20.166.669 đồng; **Nguyễn Thị B** 2.100.000 đồng; **Đặng Thị D3** 20.000.000 đồng; **Lê Thị Á** 14.166.667 đồng; **Trần Thị Kim O1** 16.500.000 đồng; **Nguyễn Thị V2** 55.286.669 đồng; **Lê Thị L** 8.300.000 đồng; **Trần Thị L1** 1.916.667 đồng; **Trịnh Thị Thu H3** 2.300.000 đồng; **Nguyễn Thị M** 26.500.000 đồng; **Võ Thị Thảo L2** 35.666.668 đồng; **Phùng Thị P** 19.666.667 đồng; **Nguyễn Thành T1** 18.333.334 đồng; **Trần Thị C2** 8.666.667 đồng; **Nguyễn Thị Kim O2** 29.750.000 đồng; **Nguyễn Thị Ngọc N1** 19.250.000 đồng; **Nguyễn Thị L3** 5.416.667 đồng; **Trần Thị Kiều V4** 36.666.667 đồng; **Văn Thị Duy H5** 21.733.334 đồng; **Ngô Thị Mỹ H6** 35.666.669 đồng; **Võ Thị H7** 10.833.334 đồng; **Nguyễn Thị H8** 3.333.334 đồng; **Nguyễn Văn V3** 13.000.000 đồng; **Phan Công M1** 1.833.334 đồng; **Đào Thị Kim L4** 13.916.667 đồng; **Lương Thị Thu H9** 2.250.000 đồng; **Phạm Thị Mai P1** 7.500.000 đồng; **Nguyễn Thị Bích P2** 5.500.000 đồng; **Nguyễn Thị Mỹ H10** 179.050.000 đồng; **Trương Thị Kim T2** 8.350.000 đồng; **Nguyễn Thị C3** 9.800.000 đồng; **Bế Thị Châm T3** 8.500.000 đồng.

[8] Đối với căn nhà **số B P**, tổ dân phố **F**, thị trấn **P**, huyện **K** nơi bị cáo **H** thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông **Hoàng Xuân T7** và bà **Phan Thị H13** đã cho bị cáo **H** thuê từ tháng 4 năm 2023; Việc bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã sử dụng địa điểm trên phạm tội thì ông **T7** và bà **H13** đều không biết, nên chấp nhận việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật và mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/6/2024).

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** cho Ủy ban nhân dân thị trấn **P**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk** là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3.1] Việc xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím số màu đen, số Imei 358253/04/7714368 đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 xác sim số điện thoại 0946770102.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 quyển vở có ghi thông tin những người vay của **H** và quá trình trả tiền.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị H12 H** dùng vào việc phạm tội 868.849.315 đồng (**T6** trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** đã thu theo lãi suất theo quy định 20.190.849 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có (tiền lãi suất theo quy định), để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **B1** và bà **T3** với tổng số tiền 2.870.716 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

- Bị cáo **Nguyễn Thị Hương H** phải trả lại tổng số tiền 100.641.052 đồng (Một trăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm mươi hai đồng) là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định) cụ thể trả cho: Dư Thùy Dung 584.932 đồng; **Đỗ Thu H1** 167.123 đồng; **Bùi Thị Trường A** 194.977 đồng; **Trần Thị N** 696.347 đồng; **Vũ Thị Kim O** 1.044.521 đồng; **Võ Quyền** 2.353.653 đồng; **Đào Thị T** 8.224.822 đồng; **Nguyễn Đức C1** 1.838.356 đồng; **Nguyễn Thị G1** 5.152.968 đồng; **Trần Thị D2** 20.263.699 đồng; **Nguyễn Thị B** 4.178.082 đồng; **Đặng Thị D3** 1.420.548 đồng; **Lê**

Thị Á 5.988.584 đồng; Trần Thị Kim O1 584.931 đồng; Nguyễn Thị V2 6.381.324 đồng; Lê Thị L 3.640.502 đồng; Trần Thị L1 515.297 đồng; Nguyễn Thị M 1.114.155 đồng; Võ Thị Thảo L2 2.033.333 đồng; Phùng Thị P 2.562.558 đồng; Nguyễn Thành T1 278.539 đồng; Trần Thị C2 222.831 đồng; Nguyễn Thị Kim O2 4.219.863 đồng; Nguyễn Thị Ngọc N1 1.796.576 đồng; Nguyễn Thị L3 765.982 đồng; Trần Thị Kiều V4 7.242.100 đồng; Văn Thị Duy H5 1.662.649 đồng; Ngô Thị H6 4.066.640 đồng; Võ Thị H7 1.531.964 đồng; Nguyễn Thị H8 278.539 đồng; Nguyễn Văn V3 2.005.480 đồng; Phan Công M1 529.224 đồng; Phan Thị Y1 1.114.155 đồng; Đào Thị Kim L4 1.016.666 đồng; Lương Thị Thu H9 459.589 đồng; Phạm Thị Mai P1 417.808 đồng; Nguyễn Thị Bích P2 752.055 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H10 2.047.260 đồng; Trương Thị Kim T2 777.123 đồng; Lê Thị B3 264.612 đồng; Bé Thị Châm T3 250.685 đồng.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền là 1.077.090.685 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) đã vay của bị cáo H nhưng chưa trả (tiền gốc), để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Dư Thùy Dung 4.200.000 đồng; Đỗ Thu H1 14.000.000 đồng; Vũ Thị Thu H2 31.200.000 đồng; Bùi Thị Trường A 26.633.333 đồng; Trần Thị N 5.833.334 đồng; Vũ Thị Kim O 7.200.000 đồng; Đặng Thị Hương G 127.800.000 đồng; Võ Quyền 80.916.668 đồng; Đào Thị T 42.797.002 đồng; Nguyễn Đức C1 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị G1 20.166.669 đồng; Nguyễn Thị B 2.100.000 đồng; Đặng Thị D3 20.000.000 đồng; Lê Thị Á 14.166.667 đồng; Trần Thị Kim O1 16.500.000 đồng; Nguyễn Thị V2 55.286.669 đồng; Lê Thị L 8.300.000 đồng; Trần Thị L1 1.916.667 đồng; Trịnh Thị Thu H3 2.300.000 đồng; Nguyễn Thị M 26.500.000 đồng; Võ Thị Thảo L2 35.666.668 đồng; Phùng Thị P 19.666.667 đồng; Nguyễn Thành T1 18.333.334 đồng; Trần Thị C2 8.666.667 đồng; Nguyễn Thị Kim O2 29.750.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc N1 19.250.000 đồng; Nguyễn Thị L3 5.416.667 đồng; Trần Thị Kiều V4 36.666.667 đồng; Văn Thị Duy H5 21.733.334 đồng; Ngô Thị Mỹ H6 35.666.669 đồng; Võ Thị H7 10.833.334 đồng; Nguyễn Thị H8 3.333.334 đồng; Nguyễn Văn V3 13.000.000 đồng; Phan Công M1 1.833.334 đồng; Đào Thị Kim L4 13.916.667 đồng; Lương Thị Thu H9 2.250.000 đồng; Phạm Thị Mai P1 7.500.000 đồng; Nguyễn Thị Bích P2 5.500.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H10 179.050.000 đồng; Trương Thị Kim T2 8.350.000 đồng; Nguyễn Thị C3 9.800.000 đồng; Bé Thị Châm T3 8.500.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1431/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Hương H phải phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án phân liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an huyện Krông Pắc;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pắc;
- HSNV Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND thị trấn Phước an;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Tâm